

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-PT

Ngày: 19-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Viết Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Bình.

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân –Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Ê Ban Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Lê Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị T1, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1983 tại huyện Q, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn A, xã X, thị xã AK, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị T2; bị cáo sinh sống như vợ chồng với Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Văn K không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 06/11/2019, Nguyễn Văn K rủ Lê Thị T1 cùng trú tại thôn A, xã X, thị xã AK, tỉnh Gia Lai đi bắt trộm gà để bán lấy tiền nộp học cho

con, T1 đồng ý. Khi đi, K chuẩn bị hai bao ni lông bỏ vào cốp xe mục đích để đựng gà. K điều khiển xe mô tô BKS 81X1-007.XX chở T1 từ nhà theo hướng thị xã AK đi huyện K. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, K và T1 đi đến đoạn đường tỉnh lộ 667 thuộc làng K – C, xã Y, huyện Đ thì K dừng xe bên lề đường, mở cốp xe lấy một bao ni lông cầm trên tay và nói với T1 ở lại trông xe. K đi bộ đến cây bưởi trước nhà chị Đinh Thị N rồi trèo lên cây bắt trộm 04 con gà (gồm 1 con gà của chị Nganh, 3 con của anh Đinh C). Sau đó, K ra chỗ dựng xe đặt bao gà lên gác ba ga xe và tiếp tục điều khiển xe chở T1 đi ngược lại theo hướng K đi thị xã AK, khi đến cổng làng Đ, xã P, huyện Đ thì dừng xe lại bên lề đường. T1 đứng ngoài trông xe và gà, còn Kiên tiếp tục cầm một bao ni lông khác đi vào chuồng bò của anh Nguyễn Thành L, trú tại thôn A1, xã P bắt 03 con gà bỏ vào bao, K tiếp tục trèo qua hàng rào lưới B40 của nhà anh L để đến chuồng bò của chị Đinh Thị Minh P (gần nhà anh L) bắt được 02 con gà thì bị anh L phát hiện và truy hô, K bỏ gà chạy vào đám mía trốn. Lúc này anh Nguyễn Thành L phát hiện Lê Thị T1 đang đứng cạnh xe mô tô BKS: 81X1 – 007.XX, trên xe có 02 mũ bảo hiểm, cách Lê Thị T1 khoảng 3 mét có một bao màu đỏ bên trong có chứa gà bên trong nên báo công an xã P đến kiểm tra và đưa T1 cùng tang vật về trụ sở Công an xã P, huyện Đ để làm rõ nội dung vụ việc.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ đã tạm giữ một số đồ vật, tài sản gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exiter, BKS 81X1 – 007.XX; 02 bao ni lông màu đỏ để đựng gà; 09 con gà.

Tại kết luận định giá tài sản số: 30/KL-ĐGTS ngày 08/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận 09 con gà có tổng trọng lượng 23,3kg có giá trị 2.563.000 đồng.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án số 02/2020/HS-ST ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn K và Lê Thị T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Thị T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. Kháng cáo của bị cáo

Ngày 10/3/2020, bị cáo Lê Thị T1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thị T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo cam kết nếu được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, bị cáo sẽ tích cực tự cải tạo, sửa chữa bản thân và chấp hành tốt chính sách về án treo theo luật định.

5. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị T1; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ được, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, có cơ sở để xác định:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 06/11/2019 tại khu vực thuộc làng K – C, xã Y, huyện Đ và làng Đ, xã P, huyện Đ, Lê Thị T1 và Nguyễn Văn K đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 09 con gà có tổng trọng lượng 23,3kg trị giá 2.563.000 đồng của 04 hộ dân.

Với hành vi nêu trên, việc bị cáo Lê Thị T1 bị truy tố, xét xử sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là trái quy định của pháp luật. Nhưng vì để có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo bất chấp cùng với bị cáo Nguyễn Văn K thực hiện hành vi trộm cắp 09 con gà của 04 hộ dân trên địa bàn huyện Đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, **mức độ hành vi của bị cáo, phân hóa vai trò của bị cáo trong vụ án, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51** của Bộ luật

hình sự để xử phạt bị cáo Lê Thị T1 06 (sáu) tháng tù phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Thị T1 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo và ăn năn đối với hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng cho bị cáo.

Mặc khác, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; người phạm tội là phụ nữ vì khó khăn nhất thời phạm tội; hiện bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình phải nuôi 02 con nhỏ, cần được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục; tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức; có nơi thường trú rõ ràng, trước khi phạm tội có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, được quy định tại điểm h khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo T1 có khả năng tự cải tạo nên trường hợp cho bị cáo cải tạo tại địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, đủ điều kiện được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại chỗ, dưới sự giám sát, giáo dục của địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe chung. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Thị T1.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T1 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 19/5/2020).

Giao bị cáo Lê Thị T1 cho UBND xã X, thị xã AK, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Thị T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo, người TGTT;
- UBND xã X;
- Lưu Hồ sơ và Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Hà Viết Toàn